

YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGHIỆP VỤ CỦA GIÁO VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM MIỀN NÚI

ThS. NINH VĂN HƯNG*

Trường sư phạm, khoa sư phạm là “cỗ máy cái” trong đào tạo giáo viên (GV), bởi sứ mệnh của nhà trường là thực hiện chức năng đào tạo và bồi dưỡng, phát triển *năng lực nghề nghiệp* (NLNN) cho đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của xã hội. Trước những thách thức của nền giáo dục (GD) hiện đại và những yêu cầu đối với GV giảng dạy ở các cơ sở đào tạo GV; đặc biệt là thực hiện tốt Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, chúng tôi nhận thấy, cần trang bị và bồi dưỡng cho giảng viên sư phạm (GVSP), đặc biệt là GVSP ở các tỉnh miền núi (vì họ có những đặc thù riêng) một số năng lực (NL) nghiệp vụ sau:

1. Năng lực dạy học (NLDH)

NLDH là một trong những NL “trụ cột” của GV, nhất là GVSP. Trước sự phát triển như vũ bão của khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin, sự nhanh nhạy của sinh viên (SV) và những yêu cầu của sự phát triển KT-XH đòi hỏi GV phải tạo điều kiện cho SV được học thông qua hoạt động, đặc biệt là hoạt động thực tiễn để họ được bày tỏ và thể hiện khả năng của mình. Do đó, bên cạnh NL tri thức chuyên môn khoa học, GV cần có những nghiệp vụ dạy học (DH) như:

- *Nghiên cứu tài liệu và thiết kế bài học*. NL này thể hiện ở khả năng lựa chọn tài liệu liên quan đến bộ môn mà GV phụ trách, không chỉ những tài liệu trong nước mà cả tài liệu nước ngoài; thiết kế kế hoạch bài học theo hướng tăng cường tự học, tự nghiên cứu của SV. Việc thiết kế bài học phải xuất phát từ việc xây dựng các mục tiêu và hoạt động học tập để SV được suy nghĩ, thảo luận, làm việc và thực hành nhiều hơn, hướng tới việc hình thành kỹ năng và thái độ đúng đắn đối với hoạt động học tập trong từng bài học cụ thể.

- *NL nắm vững kỹ thuật DH*: Thể hiện khả năng sử dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức DH, đặc biệt là việc sử dụng các kỹ thuật, thủ thuật DH tích cực như: học theo dự án (project based learning), học theo hợp đồng (learning contract), thảo luận (work shop), hồ sơ học tập (portfolio), phương pháp tư vấn, hỗ trợ học tập (counseling, academic support), sử dụng sơ đồ tư duy, DH luân phiên, bể cá, động não...

- *Hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học*: thể hiện ở NL tư vấn cho SV lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cố vấn, hỗ trợ SV xây dựng kế hoạch; triển khai, thực hiện nghiên cứu và đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện để SV được khám phá nội dung và phương pháp chiếm lĩnh nội dung học tập, giúp SV có động cơ học tập, thực hành nghề nghiệp tích cực, sáng tạo và hiệu quả.

- *Đa dạng hóa phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV*. GV có thể sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp như: trắc nghiệm khách quan, tự luận, tự luận được sử dụng tài liệu, báo cáo sản phẩm, hồ sơ học tập; tăng cường khả năng tư duy logic, tư duy phê phán; NL trình bày và phát triển ý tưởng sáng tạo; NL cập nhật kiến thức của SV; tiếp cận đánh giá NL của người học, NL nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ; NL thực hành, NL tổ chức và thích nghi với môi trường làm việc; tăng cường rèn khả năng tự đánh giá cho SV. Để đánh giá kết quả khách quan, chính xác, GVSP phải có kỹ năng xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn, bộ công cụ đánh giá kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho SV theo từng chuyên ngành đào tạo.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý hồ sơ DH để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động DH*. Công nghệ thông tin là phương tiện hữu hiệu giúp GV cập nhật, thiết kế, trình bày và lưu giữ thông tin trong quá trình DH. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm, website hỗ trợ công tác giảng dạy và quản lý mà GV có thể sử dụng để mang lại hiệu quả kinh tế cao, rút ngắn khoảng cách giữa GV và SV, tạo điều kiện cho SV tự học, tự nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, giảm thiểu thời gian lên lớp của GV.

- *NL phản hồi mang tính xây dựng*. NL này giúp GV tự nhận xét, đánh giá bài giảng của mình hoặc của SV. Để có kỹ năng phản hồi, GV cần có sự hiểu biết sâu rộng về khoa học mình phụ trách, kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt có thái độ nghiêm túc nhưng chân thành trong quá trình nhận xét, đánh giá giờ giảng, làm thế nào để người đánh giá và người được đánh giá cảm thấy thoải mái, hài lòng, phát triển NLDH.

* Trường Cao đẳng sư phạm Lạng Sơn

2. NL thực hành nghề nghiệp

Đây là một trong những NL quan trọng của GVSP, có tính chất quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. NL này đòi hỏi GV không chỉ đảm nhiệm tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng nghề nghiệp mà quan trọng hơn là tạo ra "bức tranh sinh động" và cảm hứng thực hành nghề nghiệp. Muốn vậy, GV phải hiểu rõ thực tiễn GD, nhu cầu mà các trường phổ thông mong đợi để nghiên cứu và hướng dẫn SV thực hiện các tiết giảng, tránh sự "lệch pha" giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sử dụng; đồng thời nghiên cứu những xu hướng mới về thực hành nghề nghiệp, thể hiện xu hướng đi trước, đón đầu đổi mới của GD phổ thông. Mỗi GV trường CĐSP, đặc biệt là GV giảng dạy phương pháp bộ môn phải là một GV giỏi ở trường phổ thông. Để làm được điều đó, GVSP phải tăng cường đi thực tế phổ thông, tăng cường dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo, tư vấn và thực hành nghề nghiệp, tránh sự "xa lạ", "khoảng cách" giữa GD ở trường CĐSP và trường phổ thông.

Bên cạnh đó, GV phải có kiến thức và kỹ năng tư vấn cho học sinh về phương pháp học tập, kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động GD toàn diện cho học sinh; có kiến thức hiểu biết sâu rộng về những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thực tại ảnh hưởng đến cuộc sống của học sinh, cùng học sinh tìm cách tháo gỡ vướng mắc khi các em gặp khó khăn. Như vậy, GV không chỉ làm công tác chuyên môn mà còn phải trở thành những chuyên gia tâm lý học đường, đồng thời hướng dẫn và hỗ trợ SV trở thành những chuyên gia tâm lý học đường trong tương lai. Không những thế, GVSP cần nghiên cứu và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học cho các trường phổ thông; đặc biệt là nội dung và phương pháp GD, tạo được sự đồng thuận và hiệu quả, tránh sự "tụt hậu" và "rớt đui" của các trường sư phạm so với trường phổ thông. Do đó, GV phương pháp bộ môn cần được mở rộng về không gian và thời gian làm việc tại các trường phổ thông, gạt bỏ hàng rào thủ tục hành chính rườm rà, cứng nhắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất trong việc cập nhật thực tế phổ thông.

3. NL tổ chức các hoạt động GD toàn diện

Cùng với việc "dạy chữ", "dạy nghề", GVSP còn hướng tới việc "dạy người" cho SV, tạo điều kiện cho SV tham gia vào các hoạt động đa dạng, hướng tới cách tiếp cận định hướng phát triển NL. Hầu hết SV đều xuất thân từ gia đình nông dân ở vùng sâu, vùng xa nên khả năng ngôn ngữ còn hạn chế, ngại giao tiếp, thiếu kiến thức thực tiễn cuộc sống. Do vậy, các trường CĐSP cần tăng cường tổ chức hoạt động GD ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt lớp, tổ chức các chuyên

đề: GD sức khỏe sinh sản, tình yêu, đạo đức nghề nghiệp, định hướng giá trị... các chuyên đề về kỹ năng sống như: làm việc nhóm; giao tiếp và lắng nghe; tự học, tự nghiên cứu hiệu quả; tư duy logic; giải quyết tình huống có vấn đề; NL quản lý thời gian; thay đổi bản thân... Chi đoàn GV tổ chức tập huấn nâng cao NL cán bộ ở cấp chi đoàn, tổ chức nhiều sân chơi bổ ích như câu lạc bộ ngoại ngữ; cuộc thi "The Voice"; "Câu lạc bộ thể thao"; "Rung chuông vàng"; phong trào xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp; giảng đường - kí túc xá văn minh; tổ chức các hoạt động tình nguyện cho SV đến các vùng sâu, vùng xa, "ngày chủ nhật xanh" để giúp đỡ những người nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, phong trào SV giúp đỡ SV... Những hoạt động này sẽ giúp SV được trải nghiệm và rèn kỹ năng sống cho bản thân, SV nào nhút nhát, hạn chế về khả năng ngôn ngữ và các hoạt động xã hội sẽ có chuyển biến tích cực, đáp ứng được yêu cầu của nghề DH.

Để thực hiện được những công việc đó đòi hỏi GV phải có NL tìm hiểu thực tiễn, xây dựng kế hoạch, tổ chức và triển khai, kiểm tra - đánh giá, điều chỉnh các hoạt động GD. Đặc biệt, GV phải có NL thu hút và điều khiển, tạo cảm hứng cho SV khi tham gia các hoạt động; có NL vận động mọi người cùng chung tay, góp sức tham gia các hoạt động một cách hiệu quả.

4. NL xây dựng và phát triển chương trình

Trước những biến đổi của xã hội đặt ra cho GD, đòi hỏi GD phải "đi trước" và "đón đầu" sự thay đổi của xã hội, NL xây dựng và phát triển chương trình DH và GD giúp nhà trường khẳng định được thương hiệu và tầm nhìn. NL này bao gồm: đề xuất và xây dựng được chương trình chi tiết các học phần mới đáp ứng được yêu cầu của các ngành nghề đào tạo; biên soạn giáo trình, tài liệu cũng như thiết kế đồ dùng, phương tiện cần thiết để phục vụ tốt việc giảng DH phần có hiệu quả; xây dựng tiêu chí đánh giá NL của SV sau khi thực hiện chương trình. Xây dựng và phát triển chương trình về các lĩnh vực: chuyên môn khoa học; đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; GD kỹ năng mềm, kỹ năng sống; tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số....

5. NL phát triển nghề nghiệp

Khi bàn về vai trò của việc phát triển NLNN, nhà GD K.D. Usinxki đã viết: "Người thầy giáo còn sống chừng nào còn học, chỉ khi vừa mới ngừng học thôi thì người GV trong họ cũng chết liền". Nhận thức được điều đó, các trường CĐSP cần quan tâm đến việc phát triển nghề nghiệp của GV; đặc biệt là GV trẻ. Để có NL phát triển nghề nghiệp, GV ở các trường CĐSP miền núi phải đảm bảo những NL sau:

- *NL ngoại ngữ*; đặc biệt là NL sử dụng tiếng Anh, tiếng Trung. Đây là NL quan trọng trong thời kì hội nhập giúp GV có thể tiếp cận dễ dàng và cập nhật với các nền GD tiên tiến trên thế giới. Ngoại ngữ giúp GV có khả năng giao tiếp, trao đổi thông tin, đặc biệt là dịch thuật các kết quả nghiên cứu khoa học, tài liệu; tăng cường hợp tác quốc tế như: gửi SV ra nước ngoài hoặc mời trợ giảng về nhà trường; giúp GV có thể hoàn thiện học vị cũng như nâng ngạch GV, đảm bảo sự chính xác hóa các thuật ngữ khoa học trong mỗi bài giảng, tiến tới giảng dạy các môn khoa học cơ bản bằng ngoại ngữ. Phần lớn GV ở trường sư phạm miền núi hạn chế về khả năng ngoại ngữ nên đã gặp trở ngại lớn trong việc phát triển nghề nghiệp của họ. Vì vậy, các cơ sở đào tạo GV cần có chiến lược phát triển NL ngoại ngữ cho GV.

- *NL sử dụng tiếng dân tộc* (thiểu số). Phần lớn SV các trường CĐSP miền núi là dân tộc thiểu số nên bên cạnh việc trau dồi khả năng sử dụng tiếng Việt, ngoại ngữ, việc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số cũng là một trong những NL quan trọng của GV. Nhờ có NL sử dụng tiếng dân tộc mà khoảng cách giao tiếp giữa GV và SV sẽ được rút ngắn. GV hiểu được văn hóa của các dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác DH cũng như nghiên cứu khoa học về văn hóa, văn học, lịch sử, địa lí địa phương, góp phần bảo tồn, duy trì và phát triển được văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập, tạo điều kiện cho GV nghiên cứu, biên soạn chương trình, tài liệu, giáo trình về ngôn ngữ, văn hóa, văn học, lịch sử, địa lí địa phương.

- *NL nghiên cứu khoa học*, thể hiện qua các loại hình khác nhau như: nghiên cứu cơ bản, ứng dụng, dự báo và triển khai, trong đó, nghiên cứu cơ bản và sư phạm ứng dụng là quan trọng nhất. Nghiên cứu cơ bản giúp GV phát triển được NL chuyên môn sâu của khoa học mà họ phụ trách, đồng thời thấy được mối quan hệ giữa các khoa học với nhau và tính ứng dụng của nó. Khoa học sư phạm ứng dụng giúp GV phát triển được khả năng sư phạm của bản thân, tiếp cận với các thành tựu sư phạm của các nền GD tiên tiến trên thế giới, có thể áp dụng hiệu quả vào Việt Nam.

- *NL tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện* về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn - nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả DH và GD. GV tự bồi dưỡng bằng nhiều con đường khác nhau: tự nghiên cứu tài liệu, tham gia hội thảo và tập huấn chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ đồng nghiệp, đi thực tế phổ thông, tham dự các lớp nâng cao trình độ chuyên môn - nghiệp vụ.

- *Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn GD* như: quản lí, DH và GD, đặc biệt là trong

công tác chủ nhiệm lớp. Trước những chuyển biến của xã hội, đặc điểm tâm lí của SV có những thay đổi, sự kì vọng từ phía xã hội và gia đình đối với nhà trường ngày càng cao,... đòi hỏi GV cần linh hoạt và sáng tạo trong việc xử lí các tình huống xảy ra, đặc biệt là tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ SV giải quyết hiệu quả các tình huống nảy sinh trong thực tiễn.

Tóm lại, để nâng cao NL nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ GVSP nói chung, các trường CĐSP miền núi nói riêng, chúng tôi đề xuất một số ý kiến sau:

- Tổ chức nhiều hơn nữa các chương trình đào tạo và tập huấn về phương pháp và kĩ năng DH tiên tiến trên thế giới, tăng cường đầu tư kinh phí để cử GV đi học tập và nghiên cứu nghiệp vụ sư phạm ở nước ngoài, tăng cường học ngoại ngữ và tiếng dân tộc.

- Tổ chức khảo sát thường xuyên trình độ và NL nghiệp vụ sư phạm của GV không chỉ về mặt nhận thức (kiến thức) mà quan trọng hơn là phương pháp và kĩ năng sư phạm, đồng thời ban hành chuẩn nghề nghiệp đối với GVSP.

- Tăng cường mối quan hệ giữa các trường sư phạm và trường phổ thông bằng cách luân chuyển GV giảng dạy phương pháp về trường phổ thông và đưa GV phổ thông có trình độ nghiệp vụ vững vàng về trường sư phạm giảng dạy các chuyên đề về NLNN và GD. □

Tài liệu tham khảo

1. Dự án Việt - Bỉ. "Phương pháp dạy học mới và các kĩ thuật dạy học". Tài liệu tập huấn giáo viên, H. 2007.
2. Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*

SUMMARY

The main reason why the roles of lecturers at Pedagogical Colleges are totally different from that of teachers at lower and up-secondary schools is that these lecturers play the role of "producer". Facing challenges of modernizing education comprehensively, particularly challenges from completing directions from Resolution No. 29-NQ/TW dated 4th November 2013, teachers in general and Lecturers of Pedagogical Colleges in mountainous areas in particular must meet the demands and requirements related to profession ability and skills as namely as teaching, profession practice, organizing teaching activities comprehensively, profession development and so on. It is true that professional abilities and skills are formed through training and education at Pedagogical Colleges. However, it is noted that each lecturer must continuously improve their knowledge and foster their professional abilities systematically through a wide variety of methods and approaches.